TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 6 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hải Quân.

2. Ông Hoàng Ngọc Thủy.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Lý Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị Đ, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phùng Văn H, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nông Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phùng Văn H kết hôn năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn cả hai có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau và được hai bên gia

đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đã nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã, đến năm 2012 mâu thuẫn vợ chồng tiếp tục trầm trọng hơn, không thể hóa giải được. Sau đó, chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đó cho đến nay. Nay, chị xác định không còn tình cảm gì với anh H, chị xin được ly hôn với anh.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh Phùng Văn H có với nhau 01 con chung là Phùng Thị Yến N, sinh ngày 31/5/2010, hiện con đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị xin được nuôi con, tại đơn khởi kiện chị yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị thấy con từ khi ở với chị anh H không có trách nhiệm gì với con, không chu cấp cho con nên chị không đề nghị anh H phải cấp dưỡng nữa. Hiện nay, chị là lao động tự do, tiền công mỗi ngày từ 200.000 đồng – 300.000 đồng, thu nhập hàng tháng đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị Nông Thị Đ vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên các nội dung như đã khai tại Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phùng Văn H vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Do không thể thỏa thuận, giải quyết được nội dung vụ án nên Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo trình tự tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nông Thị Đ được ly hôn với anh Phùng Văn H.

- Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là Phùng Thị Yến N, sinh ngày 31/5/2010 cho chị Nông Thị Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Phùng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí: Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ chị Nông Thị Đ và anh Phùng Văn H, chị Đ vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Việc vắng mặt của chị Đ, anh H không gây ảnh hưởng cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Nông Thị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Phùng Văn H có địa chỉ tại Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Toà án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2007, chị Nông Thị Đ và anh Phùng Văn H về chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, anh chị có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn do bất đồng quan điểm sống nên chị Đ, anh H đã nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã, chị Đ đã đem con về nhà bố mẹ sống từ năm 2012 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, tin tưởng, thương yêu nhau. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng giữa chị Đ và anh H không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho chị Đ được ly hôn với anh H là có căn cứ. Vì vậy, Toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị Đ, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Nông Thị Đ và anh Phùng Văn H có với nhau 01 con chung là Phùng Thị Yến N, sinh ngày 31/5/2010, hiện con đang sống cùng chị Đ. Tòa án đã tiến hành xác minh tại nhà chị Nông Thị Đ, cháu Phùng Thị Yến N đang sinh sống ổn định cùng chị Đ, chị Đ vẫn đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dạy con. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh H không đến Tòa án và cũng không đưa ra yêu cầu gì đối với con chung. Chị Nông Thị Đ hiện nay đang làm lao động tự do, qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, tiền công trung bình mỗi ngày đối với người làm lao động tự do trên địa bàn xã là từ 200.000 đồng – 300.000 đồng, thu nhập như vậy tại địa phương đảm bảo để chị có đủ điều kiện nuôi con. Xét thấy, từ khi chị Đ và anh H ly thân con chung ở cùng với chị Đ, chị vẫn đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dạy con chung. Hơn nữa, cháu Phùng Thị Yến N

tại biên bản ghi nguyện vọng của con chung, cháu có nguyện vọng được ở cùng với chị Đ vì từ khi bố mẹ cháu ly thân, cháu vẫn ở ổn định cùng với mẹ. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ để chấp nhận cho chị Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Phùng Thị Yến N, sinh ngày 31/5/2010, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Chị Nông Thị Đ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Đ, anh H được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị Đ - Xử cho nguyên đơn chị Đ được ly hôn với bị đơn anh Phùng Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Phùng Thị Yến N, sinh ngày 31/5/2010 cho chị Nông Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Phùng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nông Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Nông Thị Đ đã nộp

số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2021/0004118, ngày 12 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã Yên Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Tuyết